TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/DS-ST
Ngày 26-9-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhủ Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hiền D - Sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp C Ng, xã T H Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đô E - Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp R M, xã Ph H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Cẩm T – sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp R M, xã Ph H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Nguyễn Hiền D trình bày:

Vào ngày 19/01/2018, ông với ông Nguyễn Đô E có hợp đồng miệng mua bán tôm sú giống, khi đó ông Đô E đồng ý mua của ông 05 thùng tôm sú giống chân đỏ Miền Trung, mỗi thùng 18.000 con, giá mỗi thùng là 900.000 đồng. Tổng thành tiền là 4.500.000 đồng. Anh D đã giao tôm cho anh Đô E như đã thỏa thuận.

Đến ngày 22/01/2018, ông Nguyễn Đô E hợp đồng miệng với ông D mua thêm 200.000 con tôm thẻ giống chân trắng để nuôi công nghiệp, giá mỗi con là 95 đồng. Tổng thành tiền là 19.000.000 đồng. Anh D đã giao tôm cho anh Đô E như đã thỏa thuận.

Tổng số tiền mua tôm hai lần anh Đô E nợ của anh D là 23.500.000 đồng. Anh Nguyễn Đô E hẹn từ ngày 27/12/2018 đến ngày 29/12/2018 (âm lịch) sẽ trả cho anh D 7.000.000 đồng, đến ngày 15/01/2019 sẽ trả đủ số tiền còn lại là 16.500.000 đồng. Đến hẹn, anh D gọi điện thoại đòi nợ thì anh Đô E hẹn hai ngày sau sẽ trả. Hai ngày sau, anh D gọi điện đòi nợ thì ông Đô E hẹn ba ngày sau sẽ trả. Ba ngày sau gọi điện thì ông Đô E cho rằng tôm không đúng chất lượng nên không đồng ý trả nợ cho ông D. Ông D yêu cầu ông Nguyễn Đô E cùng vợ là bà Nguyễn Cẩm T trả cho ông số tiền 23.500.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 07/3/2019, ông Nguyễn Đô E trình bày: Ông Đô E thừa nhận có hợp đồng mua tôm của ông D 02 lần như ông D trình bày và còn nợ ông D số tiền 23.500.000 đồng. Tuy nhiên, lần đầu ông chỉ đặt mua 50.000 con tôm sú giống nhưng ông D giao đến 90.000 con. Khi nhận tôm thì ông Đô E không kiểm tra mà thả tôm ngay, đến ngày hôm sau ông kiểm tra thì phát hiện tôm giống không đúng như thỏa thuận là tôm Miền Trung như ông D đã cam kết. Ông Đô E có hẹn đến ngày 10/01/2019 âm lịch sẽ trả tiền đủ cho ông D. Sau đó, ông có hẹn nhiều lần nhưng không trả với mục đích là kéo dài thời gian để thẩm tra lại nguồn gốc tôm. Nay trước yêu cầu của ông D thì ông Đô E không đồng ý trả số tiền 23.500.000 đồng vì ông cho rằng ông D đã bán tôm cho ông không đúng chất lượng nên nuôi không đạt.

Đối với bà Nguyễn Cẩm T là vợ và đang sống cùng nhà với ông Nguyễn Đô E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có bất kỳ ý kiến nào về vấn đề tranh chấp giữa các bên nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Hiền D với bị đơn là ông Nguyễn Đô E, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Cẩm T là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp Rạch Muỗi, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy đinh tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Nguyễn Hiền D với ông Nguyễn Đô E có hợp đồng mua bán tôm giống với nhau, khi

đó hai bên có thỏa thuận, giao kết việc mua bán bằng miệng không lập thành văn bản và hiện tại ông Nguyễn Đô E còn nợ ông Nguyễn Hiền D số tiền là 23.500.000 đồng là thực tế có xảy ra vì được các bên thừa nhận. Do việc mua bán giữa hai bên không có hợp đồng bằng văn bản nên phía ông Đô E cho rằng ông D giao thừa cho ông 40.000 con tôm sú giống và các lần giao tôm giống đều không đúng chất lượng là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Trong khi đó, tại thời điểm giao nhận tôm giống thì ông Đô E không có ý kiến gì về số lượng và chất lượng tôm mà vẫn tiến hành thả nuôi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đô E không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông Nguyễn Đô E cũng đã thừa nhận hiện tại còn nợ tiền tôm giống của ông D là 23.500.000 đồng nhưng vì tôm không đúng chất lượng nên ông không trả.

[3] Đối với bà Nguyễn Cẩm T là vợ và đang sống chung nhà với ông Nguyễn Đô E. Ông Nguyễn Đô E mua tôm giống thả nuôi mục đích là để phát triển kinh tế gia đình, do đó bà T cũng có nghĩa vụ liên đới trong hợp đồng mua bán nêu trên.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý vụ án đã thông báo cho bà T và ông Đô E đến Tòa án để cung cấp chứng cứ và tham gia hòa giải theo quy định, tại phiên hòa giải 07/3/2019 ông Đô E có mặt trình bày ý kiến, phiên hòa giải sau đó bà T và ông Đô E vắng mặt. Tòa án tiến hành triệu tập bà T và ông Đô E đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà T và ông Đô E vẫn vắng mặt không lý do. Bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu trả nợ của phía nguyên đơn.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Nguyễn Hiền D yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Đô E và bà Nguyễn Cẩm T trả nợ với số tiền 23.500.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.175.000 đồng, ông Nguyễn Đô E và bà Nguyễn Cẩm T phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;
Các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Hiền D đối với ông Nguyễn Đô E và bà Nguyễn Cẩm T.

Buộc ông Nguyễn Đô E và bà Nguyễn Cẩm T liên đới trả cho ông Nguyễn Hiền D số tiền 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Hiền D có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Đô E và bà Nguyễn Cẩm T không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Đô E, bà T phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Đô E và bà Nguyễn Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.175.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Hiền D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông D có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 580.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004293 ngày 09/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước. Ông D được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T và ông Đô E có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Nhủ Khuyên